CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Sông Đà 9

Ngày 30/06/2025	11,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.9%	**-4.9%**	**6.0%**

DT thuần
Q2/25
98.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 30.8| 45.6%
YoY: ▼16.6| -14.4%

LN thuần
Q2/25
17.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.50| 35.5%
YoY: ▼9.50| -35.6%

LN sau thuế
Q2/25
15.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.50| 40.6%
YoY: ▼3.40| -18.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
31.0%
YoY: +/-▼ 4.7%

ROE (TTM)
Q2/25
2.7%
YoY: +/-▼ 0.0%

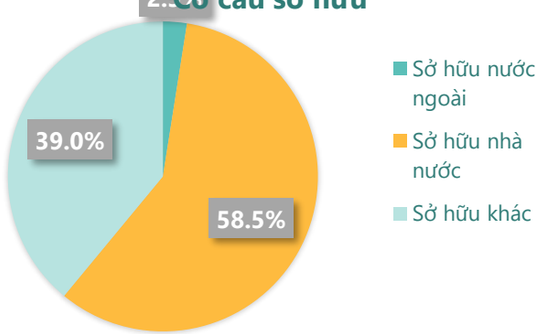
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,667 - 12,893
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	401
Số lượng CPLH (CP)	34,234,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,445
Sở hữu nước ngoài	2.5%
Beta	0.60
EPS	661
P/E	17.7

DT thuần
6T 2025
166
tỷ VNĐ
YoY: ▼61.0| -26.8%

LN thuần
6T 2025
29.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.2| -36.4%

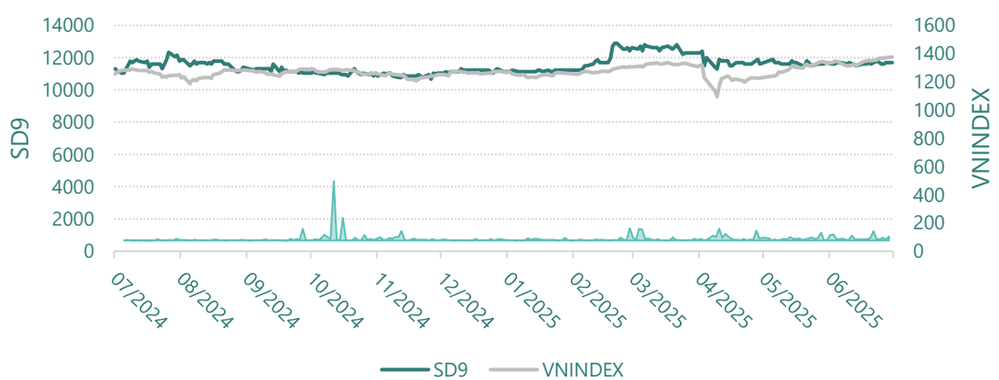
LN sau thuế
6T 2025
26.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.40| -26.2%

Cơ cấu sở hữu

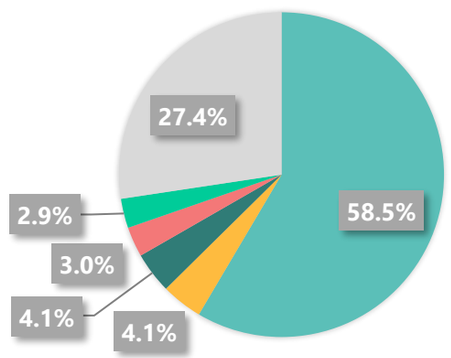


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



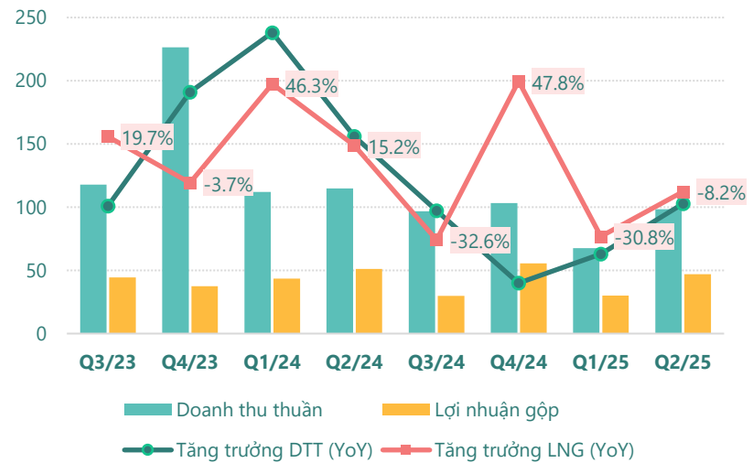
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

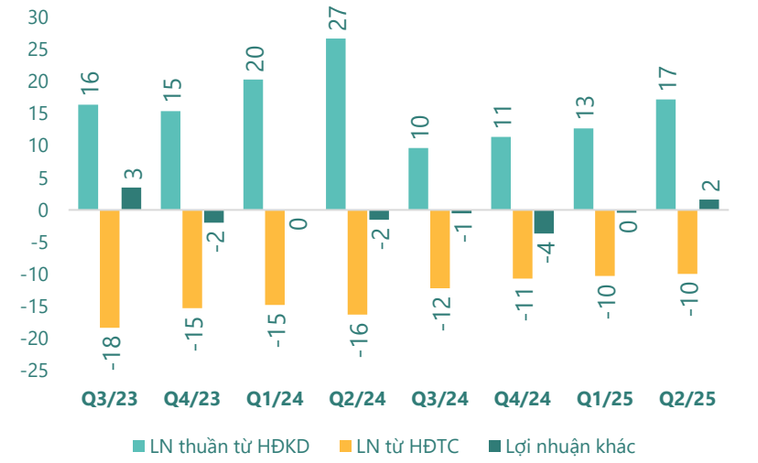
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



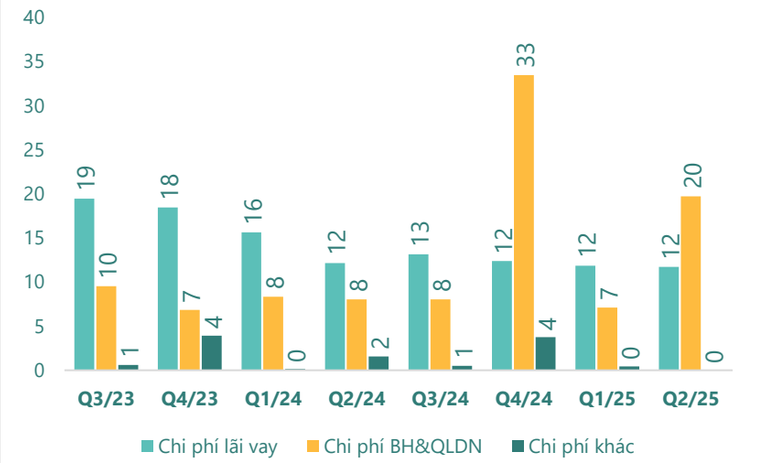
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



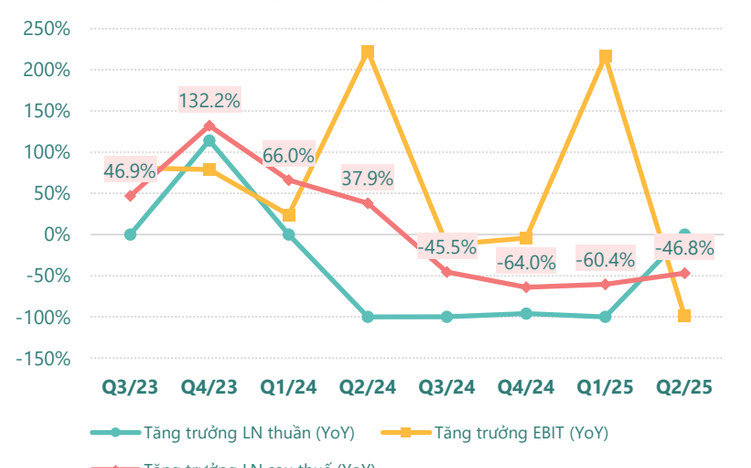
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



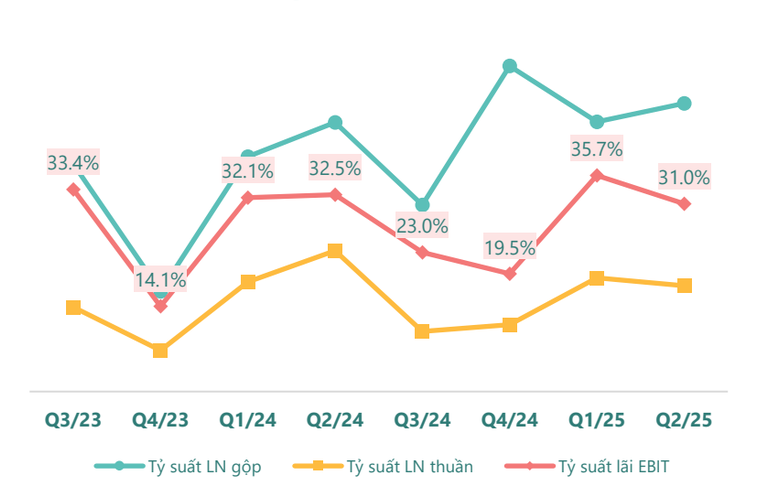
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



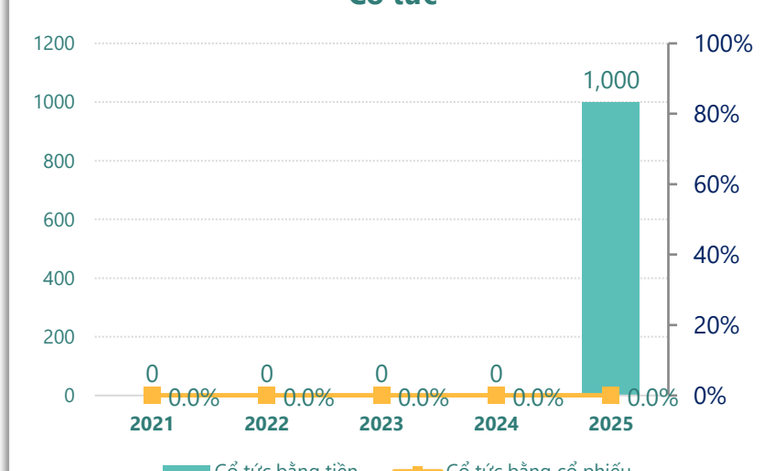
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

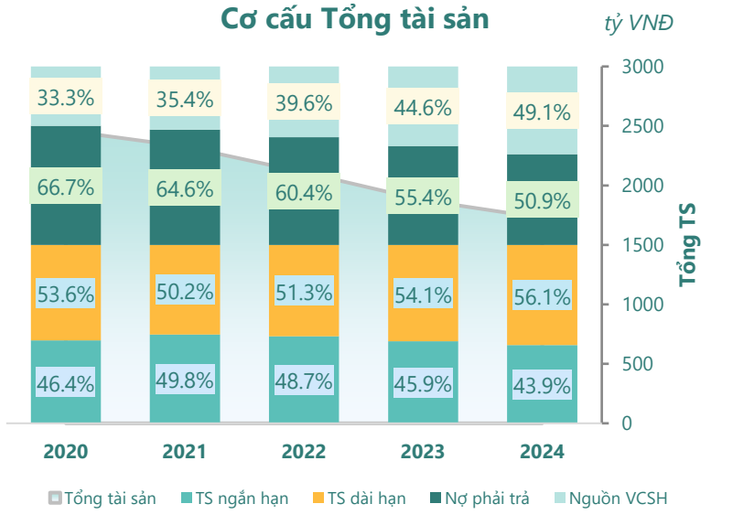
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

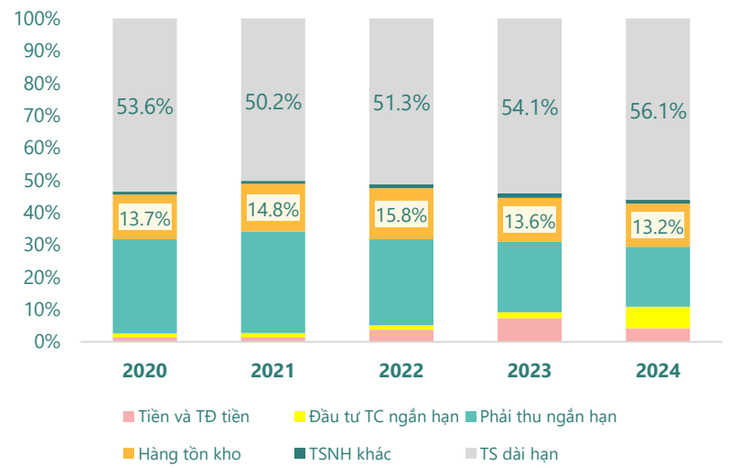
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



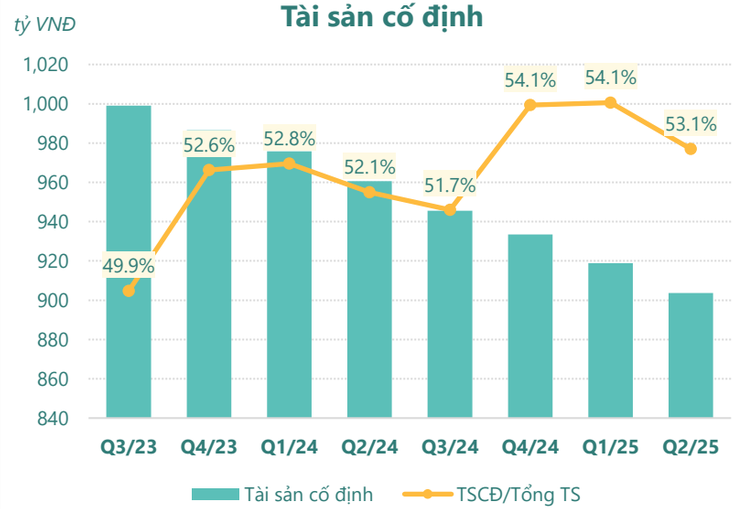
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



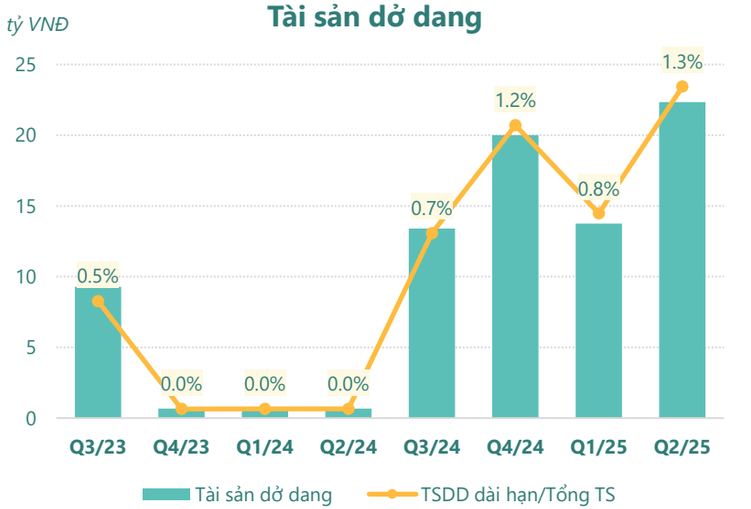
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



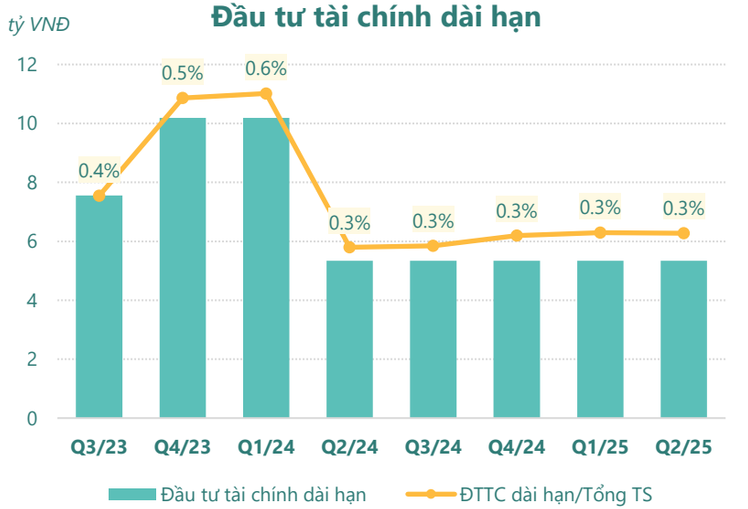
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



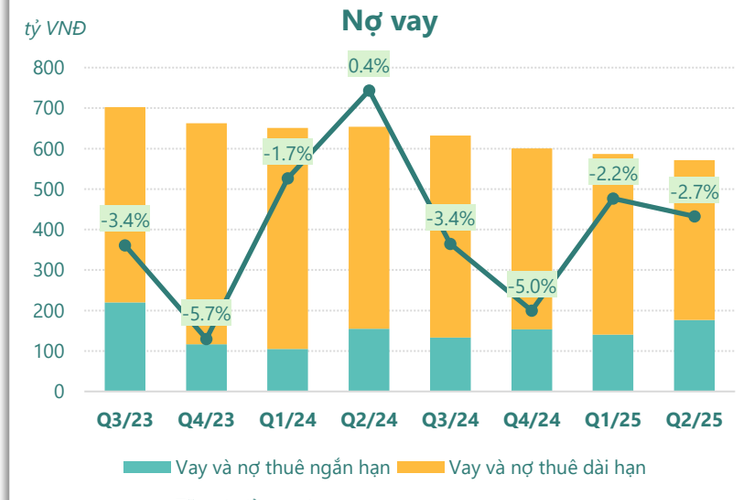
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

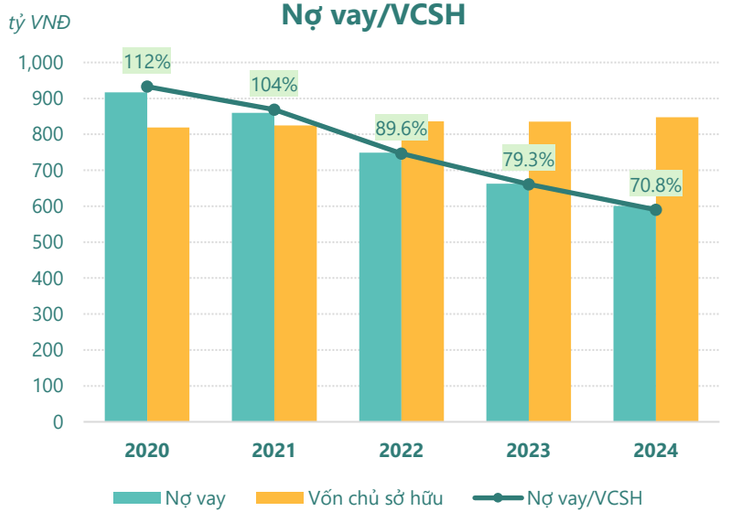
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

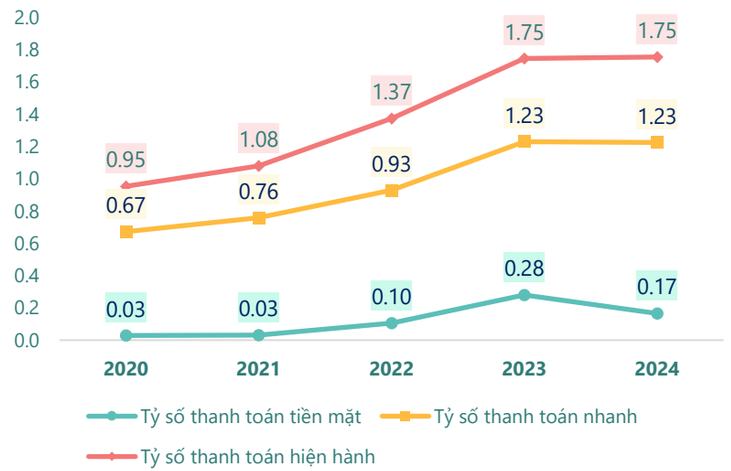
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



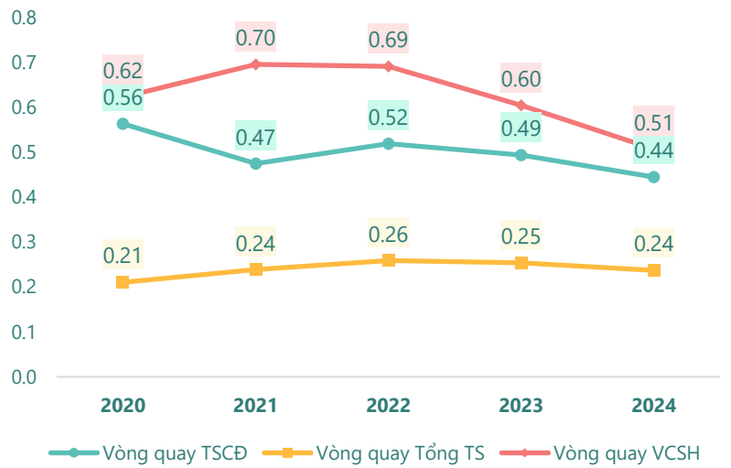
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



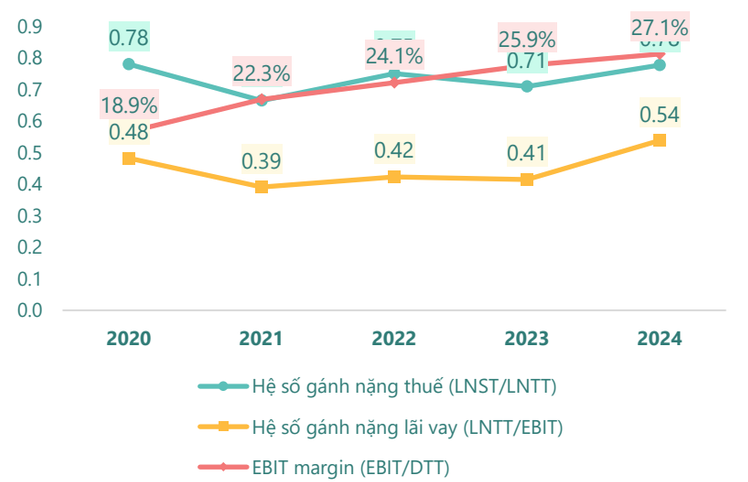
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



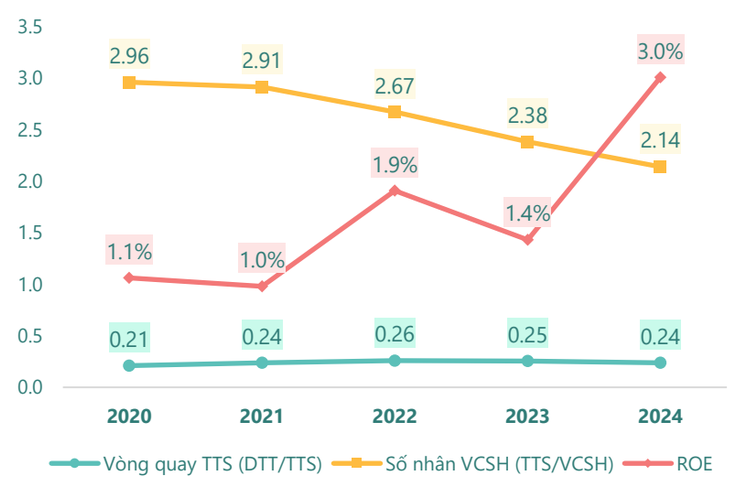
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



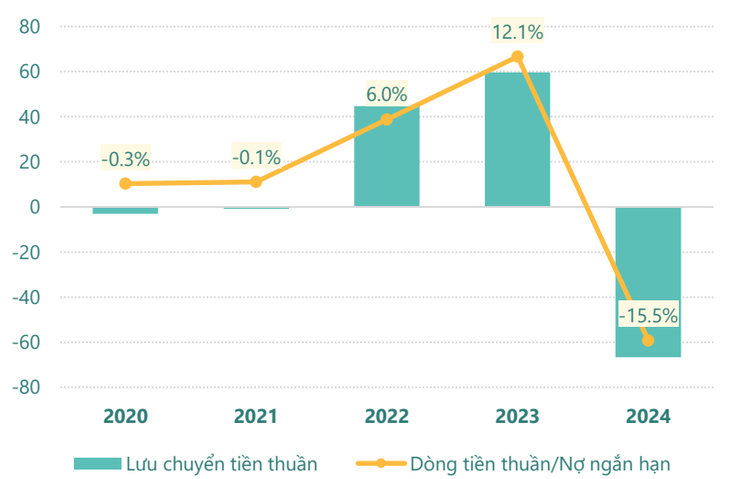
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**98.4**	**115**	**-14.4%**	**166**	**227**	**-26.8%**
Giá vốn hàng bán	51.5	63.7	-19.2%	88.9	132	-32.8%
Lợi nhuận gộp	46.9	51.1	-8.2%	77.0	94.6	-18.6%
Doanh thu HĐTC	1.77	0.74	140%	3.33	1.59	109%
Chi phí TC	11.7	17.1	-31.4%	23.6	32.7	-27.9%
Chi phí lãi vay	11.7	12.2	-3.9%	23.6	27.8	-15.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**19.7**	**8.05**	**145%**	**26.8**	**16.4**	**63.6%**
LN thuần từ HĐKD	17.2	26.7	-35.6%	29.9	47.1	-36.4%
Lợi nhuận khác	**1.62**	**-1.55**	**204%**	**1.19**	**-1.60**	**174%**
LN trước thuế	18.8	25.2	-25.3%	31.1	45.5	-31.6%
Lợi nhuận sau thuế	**15.5**	**18.9**	**-18.1%**	**26.4**	**35.8**	**-26.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.34**	**10.0**	**-6.6%**	**17.7**	**20.4**	**-13.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.2	15.6	68.1	34.4	44.3	30.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.7	8.43	-71.8	-31.3	-35.7	38.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.4	-21.2	-28.1	-37.8	-13.4	-60.1
Tiền đầu kỳ	138	135	138	106	71.4	66.7
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.97**	**2.84**	**-31.8**	**-34.7**	**-4.76**	**8.69**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0	0.07
Tiền cuối kỳ	135	138	106	71.4	66.7	75.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,702**	**1,726**	**-1.4%**
Tài sản ngắn hạn	756	757	-0.2%
Tiền và tương đương tiền	75.4	71.4	5.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	116	116	0.3%
Phải thu ngắn hạn	296	321	-7.9%
Hàng tồn kho	250	229	9.3%
Tài sản ngắn hạn khác	18.9	20.3	-6.7%
Tài sản dài hạn	**946**	**969**	**-2.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	904	933	-3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	22.3	20.0	11.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.34	5.34	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**15.0**	**10.0**	**49.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	865	878	-1.5%
Nợ ngắn hạn	**470**	**431**	**9.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	177	154	15.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	59.8	68.9	-13.2%
Nợ dài hạn	395	447	-11.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	395	447	-11.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**837**	**848**	**-1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**837**	**848**	**-1.2%**
Vốn điều lệ	342	342	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)